

Số: 229 /GPMT-UBND

Bình Thuận, ngày 06 tháng 02 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vương tại Công năn số 07/TV-2022 ngày 20 tháng 7 năm 2022 và Công văn số 04/BCĐXGPMT ngày 16 tháng 12 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 26/TTr-STNMT ngày 30 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vương, địa chỉ tại Lô C7.28, Cụm C7, đường D3, Khu công nghiệp Hàm Kiệm II-Bita's, xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất, gia công Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vương địa chỉ tại Lô C7.28, Cụm C7, đường D3, Khu công nghiệp Hàm Kiệm II-Bita's, xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất, gia công Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vương.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C7.28, Cụm C7, đường D3, Khu công nghiệp Hàm Kiệm II-Bita's, xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số 482043000096 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bình Thuận chứng nhận lần đầu ngày 06 tháng 9 năm 2014 và chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 06 tháng 5 năm 2015.

1.4. Mã số thuế: 3401087564.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và gia công các loại đế giày dép. Sản xuất, gia công các nguyên phụ liệu, cấu kiện giày dép.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích của cơ sở: 28.291 m².

- Quy mô:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

+ Cơ sở có quy mô sản xuất: 24.000.000 sản phẩm/ năm, bao gồm: Đế cao su (RS) 12.000.000 đôi/năm; đế giữa (MD) 7.200.000 đôi/năm; mousse EVA 1.200.000 tấm/năm; miếng lót (IP) 3.600.000 đôi/năm. Sản phẩm của cơ sở: Đế cao su RS, đế giữa MD, đế mousse EVA và miếng lót IP.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải,

khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 06 tháng 02 năm 2023 đến ngày 05 tháng 02 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hàm Thuận Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- UBND huyện Hàm Thuận Nam;
- Phòng TNMT huyện Hàm Thuận Nam;
- Công ty TNHH Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vương;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đoàn Anh Dũng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 229 /GPMT-UBND ngày 06 /02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Nước thải phát sinh được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế 100 m³/ngày đêm; nước thải sau xử lý đạt giá trị giới hạn theo Hợp đồng xử lý nước thải với Chủ đầu tư Khu công nghiệp Hàm Kiệm II - Bita's trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hàm Kiệm II - Bita's để xử lý; không xả nước thải chưa xử lý đạt giá trị giới hạn theo Hợp đồng xử lý nước thải ra môi trường. Riêng nước thải phát sinh từ công đoạn làm mát của dây chuyền sản xuất đế giữa (MD), từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thu gom, tuần hoàn, tái sử dụng toàn bộ cho hoạt động sản xuất theo như đề nghị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh với lưu lượng phát sinh lớn nhất 73,6 m³/ngày sau khi qua 03 bể tự hoại xử lý sơ bộ (tổng dung tích 144 m³) theo đường ống PVC Ø 140 mm tự chảy về các hố ga dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 100 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ công đoạn làm mát của dây chuyền sản xuất đế giữa (MD), lưu lượng phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày được thu gom bằng hệ thống mương hở tại khu vực sản xuất, rồi theo đường ống PCV Ø 60mm tự chảy về hố thu nước. Sau đó, lượng nước này được bơm cưỡng bức về buồng giải nhiệt để làm mát và tuần hoàn để tái sử dụng cho công đoạn sản xuất đế giữa (MD).

- Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi với lưu lượng phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày, được thu gom bằng đường ống PVC Ø114 mm dẫn về bể chứa trung gian. Sau đó, lượng nước này theo đường ống PVC Ø114 mm dẫn về 04 hồ chứa để lắng và giải nhiệt và được bơm tuần hoàn để tái sử dụng cho quá trình xử lý khí thải lò hơi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải (đã được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 03 ngăn) → Hồ ga thu gom → Bể gom kết hợp tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng → Bể khử trùng → Bơm cưỡng bức theo đường ống PVC Ø 90 mm → Đầu nối vào hồ ga T369 nằm trên đường N1-P (D3 – D1) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hàm Kiệm II - Bita's.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 100 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorine (dạng viên nén) với khối lượng khoảng 2,0 kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, định kỳ theo dõi chế độ vận hành của máy móc thiết bị, kịp thời bảo trì, sửa chữa và thay thế khi có hỏng hóc. Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Tiến hành nạo vét hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải theo định kỳ; trang bị máy phát điện cho việc vận hành hệ thống xử lý nước thải để tránh sự cố ngắt nguồn điện.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải qua các giai đoạn để kịp thời đánh giá hiệu quả của từng giai đoạn xử lý; kịp thời phát hiện các sự cố có khả năng xảy ra như hóa chất, vi sinh hiếu khí, bùn trong bể lắng,... và khắc phục khi có sự cố.

- Thực hiện biện pháp khắc phục khi hệ thống ngưng hoạt động: Phải dừng hoạt động hoặc giảm công suất sản xuất; tiến hành rà soát các công trình, thiết bị xử lý nước thải, quy trình vận hành hệ thống để xác định nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục, cải tạo hoặc nâng cấp công trình xử lý; đồng thời báo với cơ quan có chức năng để phối hợp xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý nước thải với lý do:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên phụ liệu Giày dép Thành Vượng hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án Nhà máy sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng tại Công văn số 4945/STNMT-CCBVMT ngày 11 tháng 11 năm 2021; có ý kiến về kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công

trình xử lý chất thải của dự án Nhà máy sản xuất, gia công Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng tại Công văn số 647/STNMT-CCBVMТ ngày 22 tháng 02 năm 2022.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên phụ liệu Giày dép Thành Vượng đã đánh giá kết quả hoàn thành việc vận hành thử nghiệm trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy sản xuất, gia công Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải từ cơ sở đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận chất lượng nước thải sau xử lý đạt giá trị giới hạn Cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (theo Hợp đồng xử lý nước thải số 005/HĐXLNT-BT ngày 13 tháng 3 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bình Tân với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hàm Kiệm II - Bita's để xử lý; đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu đầu nối nước thải của Khu công nghiệp Hàm Kiệm II - Bita's (vị trí đầu nối tại hố ga T369 nằm trên đường N1-P (D3 – D1) theo Biên bản thỏa thuận ngày 25 tháng 12 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bình Tân với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng); không xả nước thải chưa xử lý đạt giá trị giới hạn theo Hợp đồng xử lý nước thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; bảo đảm không xả nước thải ra ngoài môi trường. Có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra; lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Hàm Kiệm II - Bita's theo Hợp đồng xử lý nước thải số 005/HĐXLNT-BT ngày 13 tháng 3 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bình Tân với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng và phải dừng ngay việc đầu nối, xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Khuyến khích Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng tự tổ chức thực hiện quan trắc nước thải định kỳ để đánh giá hiệu quả, chất lượng nước thải sau xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hàm Kiệm II - Bita's.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 229 /GPMT-UBND ngày 06 /02/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, mùi, hơi dung môi từ dây chuyền sản xuất mousse EVA.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ dây chuyền sản xuất đế giữa (MD).
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ dây chuyền sản xuất đế cao su (RS).
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải từ lò hơi chính.
- Nguồn số 05: Bụi, khí thải từ lò hơi dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý bụi, mùi, hơi dung môi của dây chuyền sản xuất mousse EVA (nguồn số 01). Tọa độ vị trí xả thải: $X = 1208747,2$; $Y = 445175,9$.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải của dây chuyền sản xuất đế giữa (nguồn số 02). Tọa độ vị trí xả thải: $X = 1208748,6$; $Y = 445184,8$.

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải của dây chuyền sản xuất đế cao su (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả thải: $X = 1208737$; $Y = 445330,7$.

- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi chính (nguồn số 04). Tọa độ vị trí xả thải: $X = 1208786,7$; $Y = 445266,2$.

- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi dự phòng (nguồn số 05). Tọa độ vị trí xả thải: $X = 1208794,2$; $Y = 445258,5$.

Vị trí xả khí thải: Tọa độ các vị trí xả khí thải (các dòng khí thải nêu trên) theo hệ tọa độ VN 2000-BT, kinh tuyến $108^{\circ}30'$, múi chiều 3° ; các vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Nhà máy sản xuất, gia công Nguyên phụ liệu Giày dép Thành Vượng tại Lô C7.28, Cụm C7, đường D3, Khu công nghiệp Hàm Kiệm II-Bita's, xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Theo đề nghị của Chủ cơ sở:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 7.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 7.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 7.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 20.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 20.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Các dòng khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói thải, xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đảm bảo đạt giá trị Cột B, $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$ của QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	NO _x	mg/Nm ³	850		
4	CO	mg/Nm ³	1.000		
5	Benzen	mg/Nm ³	5		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, mùi, hơi dung môi được các chụp hút thu gom về hệ thống xử lý bụi, khí thải dây chuyền sản xuất mousse EVA để xử lý (hệ thống xử lý 01).

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải được các chụp hút thu gom về hệ thống xử lý bụi, khí thải dây chuyền sản xuất đế giữa để xử lý (hệ thống xử lý 02).

- Nguồn số 03: Bụi, khí thải được các chụp hút thu gom về hệ thống xử lý bụi, khí thải dây chuyền sản xuất đế cao su để xử lý (hệ thống xử lý 03).

- Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi chính được thu gom bằng đường ống dẫn khí về hệ thống xử lý khí thải lò hơi chính để xử lý (hệ thống xử lý 04).

- Nguồn số 05: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi dự phòng được thu gom bằng đường ống dẫn khí về hệ thống xử lý khí thải lò hơi dự phòng để xử lý (hệ thống xử lý 05).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, mùi, hơi dung môi → Chụp hút → Thiết bị Cyclone → Thiết bị lọc túi vải → Ống khói thải (Ø400mm, cao 16,3m).

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải: 7.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.2. Hệ thống xử lý 02:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Chụp hút → Thiết bị Cyclone → Thiết bị lọc túi vải → Ống khói thải (Ø600 mm, cao 16,3 m).

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải: 7.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.3. Hệ thống xử lý 03:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Chụp hút → Thiết bị Cyclone → Thiết bị lọc túi vải → Ống khói thải (Ø600mm, cao 16m).

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải: 7.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.4. Hệ thống xử lý 04:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Ống thu gom → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống khói thải (Ø700mm, cao 13m).

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải: 20.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.5. Hệ thống xử lý 05:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Ống thu gom → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống khói thải (Ø700mm, cao 13m).

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải: 20.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ quạt hút và đường ống thu gom khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra lò hơi thực hiện tra dầu mỡ bảo trì máy mỗi tháng một lần giúp cho hệ thống vận hành được tốt, hạn chế sự cố xảy ra.

- Vận hành đúng kỹ thuật theo sự hướng dẫn của nhà cung cấp kỹ thuật.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống và để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Trong trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc trong các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý khí thải với lý do:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên phụ liệu Giày dép Thành Vượng hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án Nhà máy sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng tại Công văn số 4945/STNMT-CCBVMT ngày 11 tháng 11 năm 2021; có ý kiến về kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án Nhà máy sản xuất, gia công Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng tại Công văn số 647/STNMT-CCBVMT ngày 22 tháng 02 năm 2022.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên phụ liệu Giày dép Thành Vượng đã đánh giá kết quả hoàn thành việc vận hành thử nghiệm trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy sản xuất, gia công Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành hệ thống xử lý khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng, các thông số đặc trưng của khí thải; lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 229 /GPMT-UBND ngày 06 /02/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực tổ hợp dây chuyền sản xuất đế cao su (RS).
- Nguồn số 02: Khu vực tổ hợp dây chuyền sản xuất miếng lót (IP).
- Nguồn số 03: Khu vực tổ hợp dây chuyền sản xuất đế giữa (MD).
- Nguồn số 04: Khu vực tổ hợp dây chuyền sản xuất mousse EVA.
- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý khí thải lò hơi chính.
- Nguồn số 06: Khu vực hệ thống xử lý khí thải lò hơi dự phòng.
- Nguồn số 07: Khu vực máy phát điện (dự phòng).
- Nguồn số 08: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 100 m³/ngày đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ vị trí: X = 1208701,1; Y = 445214,9.
- Nguồn số 02: Tọa độ vị trí: X = 1208710,4; Y = 445220,0.
- Nguồn số 03: Tọa độ vị trí: X = 1208765,4; Y = 445274,2.
- Nguồn số 04: Tọa độ vị trí: X = 1208701,7; Y = 445213,0.
- Nguồn số 05: Tọa độ vị trí: X = 1208786,7; Y = 445266,2.
- Nguồn số 06: Tọa độ vị trí: X = 1208794,2; Y = 445258,5.
- Nguồn số 07: Tọa độ vị trí: X = 1208726,1; Y = 445344,9.
- Nguồn số 08: Tọa độ vị trí: X = 1208767,2; Y = 445164,1.

Vị trí xả tiếng ồn, độ rung: Tọa độ các vị trí xả tiếng ồn, độ rung theo hệ tọa độ VN 2000-BT, kinh tuyến 108°30', múi chiếu 3°; các vị trí xả nằm trong khuôn viên của Nhà máy sản xuất, gia công Nguyên phụ liệu giày dép Thành Vượng tại Lô C7.28, Cụm C7, đường D3, Khu công nghiệp Hàm Kiệm II-Bita's, xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không quy định	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không quy định	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thay dầu mỡ động cơ. Cố định, siết chặt các mối nối, ốc vít, bu long thiết bị và bổ sung lớp đệm lót ngăn cách giữa thiết bị.

1.2. Kiểm tra thường xuyên và sửa chữa kịp thời các chi tiết máy móc bị mòn, hư hỏng, nền bê tông bằng phẳng và chắc chắn.

1.3. Công nhân làm việc trong điều kiện phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết như: Chụp tai, giày vải chống rung, găng tay chống rung,...; luân phiên thay đổi vị trí thao tác trong lao động, không cố định nhân sự một vị trí tại hoạt động có tiếng ồn, độ rung lớn.

1.4. Trong quá trình hoạt động, định kỳ đo đạc chất lượng không khí môi trường lao động để đánh giá hiện trạng chất lượng và kịp thời điều chỉnh đảm bảo sức khỏe công nhân viên nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 229 /GPMT-UBND ngày 06 /02/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (NH), chất thải công nghiệp phải được kiểm soát (KS) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	15	NH
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	720	NH
3	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	17 08 03	120	NH
4	Ắc quy chì thải	19 06 01	10	NH
5	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	15	KS
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	24	KS
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	24	KS
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	24	KS
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	360	KS
10	Xi và tro đáy có các thành phần nguy hại	12 01 05	33	KS
	Tổng khối lượng		1.345	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)	Ký hiệu phân loại
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	3.750	TT-R
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là chất thải nguy hại) thải	18 01 06	3.750	TT-R
3	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra không phải là chất thải nguy hại và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	18 01 08	3.750	TT-R
4	Bao bì vải (đã chứa chất khi thải ra không phải là chất thải nguy hại) thải	18 01 10	3.750	TT-R
Tổng khối lượng			15.000	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	3.200
Tổng khối lượng		3.200

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải được kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa loại composit có nắp đậy (dung tích thùng 60 lít).

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Nhà chứa đặt ở khu vực cao ráo, có nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang lưu chứa trong nhà chứa, có mái che, có cửa khóa và biển báo ghi rõ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bao PE.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: Bố trí 02 kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường, diện tích mỗi kho là 20 m².

- Thiết kế cấu tạo: Kho có nền bê tông, cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt; tường tôn sắt vẩy xung quanh, mái che, có bảng dấu hiệu cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa loại 20, 60 và 120 lít/thùng, có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Khu tập kết rác tập trung có diện tích 20 m².

- Thiết kế cấu tạo: Kho có nền bê tông, cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt; tường tôn sắt vẩy xung quanh, mái che, có bảng dấu hiệu cảnh báo.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng các quy định tại Điều 36 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 229 /GPMT-UBND ngày 06 /02/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy,... theo quy định hiện hành. Đồng thời, tuân thủ các quy định và thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

6. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.